

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016**

Mã số doanh nghiệp: **0303207317**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016**

Mã số doanh nghiệp: **0303207317**



MỤC LỤC

| | Trang |
|--|-------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 1-2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3-4 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| Bảng cân đối kế toán | 5-6 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 7 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 8 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính | 9-24 |



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám Đốc hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

1. Công ty

Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 0303207317 (số cũ là 4103004312) đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 2 năm 2006 và thay đổi lần thứ tư vào ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ của công ty cổ phần là 29 tỷ VND.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VBH.

Văn phòng và nhà xưởng của Công ty được đặt tại số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chi nhánh của Công ty được đặt tại Lô 6, Khu công nghiệp Hồ Nai, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Trong năm tài chính này, hoạt động chủ yếu của Công ty là gia công linh kiện điện tử và cho thuê bất động sản.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|----------------------|--|
| Ông Lưu Hoàng Long | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Văn Thành | Phó chủ tịch (bổ nhiệm ngày 21 tháng 7 năm 2016) |
| Ông Bùi Mạnh Hùng | Thành viên (bổ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2016) |
| Ông Trần Hải Minh | Thành viên (bổ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2016) |
| Ông Dương Trung Dũng | Thành viên (bổ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2016) |
| Ông Trần Thanh Lưu | Thành viên (từ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2016) |
| Bà Lê Thị Ngọc Thủy | Thành viên (từ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2016) |
| Ông Hà Hữu Quang | Thành viên (từ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2016) |

Ban kiểm soát

| | |
|-------------------------|---|
| Ông Nguyễn Phước Hiệp | Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2016) |
| Bà Nguyễn Vi Tường Thúy | Thành viên (bổ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2016) |
| Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến | Thành viên (bổ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2016) |
| Bà Trần Thị Ngọc Thảo | Trưởng ban (từ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2016) |
| Bà Hà Thị Phương | Thành viên (từ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2016) |
| Ông Nguyễn Văn Trãi | Thành viên (từ nhiệm ngày 4 tháng 6 năm 2016) |

Ban Giám đốc

| | |
|----------------------|--|
| Ông Hà Hữu Quang | Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 7 năm 2016) |
| Ông Nguyễn Văn Thành | Giám đốc (từ nhiệm ngày 21 tháng 7 năm 2016) |
| Ông Trần Minh Đức | Phó Giám đốc (từ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2016) |
| Ông Phan Cao Hiệp | Phó Giám đốc (từ nhiệm ngày 27 tháng 9 năm 2016) |
| Ông Lê Thanh Hiền | Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26 tháng 9 năm 2016) |

333
CHI
ĐNG
KIỂM
B
ITP.
1 - T

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

3. Đánh giá tình hình kinh doanh.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán BDO được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

5. Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

6. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám Đốc



HÀ HỮU QUANG
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2017

Số : BINHO/027.HCM.16

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2017 từ trang 5 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.





BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Số liệu ngày 31 tháng 12 năm 2015 (số liệu đầu năm – ngày 01/01/2016) và số liệu năm trước (từ 01/01/2015 đến 31/12/2015) đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác.



NGUYỄN THỊ THANH

Phó giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0185-2013-038-1

NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0428-2013-038-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO – CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|---|------------|----------------|-----------------------|-----------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 18.176.847.749 | 24.883.854.887 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4.1 | 3.488.124.681 | 5.592.976.330 |
| Tiền | 111 | | 2.488.124.681 | 2.092.976.330 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 1.000.000.000 | 3.500.000.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 10.393.038.087 | 11.964.134.955 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 4.2 | 9.006.370.468 | 6.406.769.234 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 4.4 | 1.503.518.745 | 3.408.897.800 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 4.6 | 50.000.000 | 50.000.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 4.3 | 6.950.749.378 | 7.131.265.033 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 4.5 | (7.117.600.504) | (5.032.797.112) |
| Hàng tồn kho | 140 | 4.7 | 3.572.200.621 | 6.591.230.242 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 3.572.200.621 | 6.591.230.242 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 723.484.360 | 735.513.360 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 4.8 | 32.058.992 | 83.157.453 |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 4.15 | 691.425.368 | 652.355.907 |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 1.141.403.931 | 1.601.384.544 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| Tài sản cố định | 220 | | 464.732.763 | 553.494.584 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 4.9 | 464.732.763 | 553.494.584 |
| Nguyên giá | 222 | | 21.183.079.716 | 22.294.663.865 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (20.718.346.953) | (21.741.169.281) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 4.10 | - | - |
| Nguyên giá | 228 | | 108.436.107 | 108.436.107 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (108.436.107) | (108.436.107) |
| Bất động sản đầu tư | 230 | 4.11 | 8.195.460 | 31.872.148 |
| Nguyên giá | 231 | | 6.211.957.943 | 6.211.957.943 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | (6.203.762.483) | (6.180.085.795) |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 4.12 | - | 510.000.000 |
| Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | 510.000.000 | 510.000.000 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (510.000.000) | - |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 668.475.708 | 506.017.812 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 4.8 | 668.475.708 | 506.017.812 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 19.318.251.680 | 26.485.239.431 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

| | Mã số | Thuyết minh | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|---|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 5.1 | 99.752.277.902 | 89.549.920.635 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| Doanh thu thuần | 10 | | 99.752.277.902 | 89.549.920.635 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 5.2 | 89.575.505.686 | 79.975.644.474 |
| Lãi gộp | 20 | | 10.176.772.216 | 9.574.276.161 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 5.3 | 289.839.121 | 708.641.049 |
| Chi phí tài chính | 22 | 5.4 | 579.952.786 | 65.012.710 |
| Chi phí bán hàng | 25 | 5.5 | 2.373.920.493 | 2.429.690.528 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 5.6 | 14.458.416.032 | 13.192.705.242 |
| Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (6.945.677.974) | (5.404.491.270) |
| Thu nhập khác | 31 | 5.7 | 347.479.065 | 170.975.245 |
| Chi phí khác | 32 | 5.8 | 170.225.557 | 393.904.214 |
| Lãi/(Lỗ) khác | 40 | | 177.253.508 | (222.928.969) |
| Tổng lỗ kế toán trước thuế | 50 | | (6.768.424.466) | (5.627.420.239) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 5.9 | - | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | 5.9 | - | - |
| Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (6.768.424.466) | (5.627.420.239) |
| Lỗ cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 5.10 | (2.334) | (1.940) |

HOÀNG THỊ ANH LÊ
Người lập biểu

LÊ THỊ NGỌC THỦY
Kế toán trưởng



HÀ HỮU QUANG
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

| | Mã số | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|---|-----------|------------------------|------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| Lỗ trước thuế | 01 | (6.768.424.466) | (5.627.420.239) |
| <i>Điều chỉnh cho các khoản</i> | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 298.838.509 | 907.247.700 |
| Các khoản dự phòng | 03 | 2.594.803.392 | 1.982.623.394 |
| (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái | 04 | (27.584.389) | 1.192.166 |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | (234.177.310) | (187.914.024) |
| Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | (4.136.544.264) | (2.924.271.003) |
| Tăng các khoản phải thu | 09 | (525.919.353) | (2.394.078.491) |
| Giảm hàng tồn kho | 10 | 3.019.029.621 | 460.005.759 |
| (Giảm)/tăng các khoản phải trả | 11 | (453.682.843) | 3.267.443.577 |
| Tăng chi phí trả trước | 12 | (111.359.435) | (385.404.327) |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | - | (40.020.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (2.208.476.274) | (2.016.324.485) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác | 21 | (130.480.000) | - |
| Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác | 22 | 150.000.000 | - |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 84.177.310 | 187.914.024 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 103.697.310 | 187.914.024 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | - | - |
| LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM | 50 | (2.104.778.964) | (1.828.410.461) |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM | 60 | 5.592.976.330 | 7.421.424.602 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | (72.685) | (37.811) |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM | 70 | 3.488.124.681 | 5.592.976.330 |

Nguyen

Thuy



HOÀNG THỊ ANH LÊ
Người lập biểu

LÊ THỊ NGỌC THUY
Kế toán trưởng

HÀ HỮU QUANG
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 0303207317 (số cũ là 4103004312) đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 2 năm 2006 và thay đổi lần thứ tư vào ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ của công ty cổ phần là 29 tỷ VND.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VBH.

Văn phòng và nhà xưởng của Công ty được đặt tại số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chi nhánh của Công ty được đặt tại Lô 6, Khu công nghiệp Hố Nai, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Trong năm tài chính này, hoạt động chủ yếu của Công ty là gia công linh kiện điện tử và cho thuê bất động sản.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng số nhân viên của Công ty là 244 người (ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 417 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái vào ngày này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở thời điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối kỳ tài chính. Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào khoản mục giá vốn hàng bán trong năm.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|---------------------------|------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 - 25 năm |
| Máy móc thiết bị | 3 - 7 năm |
| Phương tiện vận tải | 6 - 7 năm |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 - 6 năm |
| Tài sản cố định khác | 3 năm |

3.6 Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm giá trị nhà kho và phân xưởng của Công ty được dùng cho thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động. Khấu hao bất động sản đầu tư được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 năm đến 10 năm.

3.8 Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản phân phối lợi nhuận của công ty liên kết sau ngày đầu tư được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm, các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và phải ghi giảm giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất đầu tư đối với các khoản còn đầu tư tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

3.9 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng, phí duy trì tên miền, phí duy trì mail, lưu trữ trang web, phần mềm Microsoft được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian từ hai đến năm năm tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

3.11 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản được ghi nhận theo thời hạn thuê đã được nêu trong hợp đồng thuê hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

3.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

3.13 Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

| Bên liên quan | Địa điểm | Quan hệ |
|--|-----------------|------------------|
| Tổng Công ty Điện tử Tin học Việt Nam | TP. Hà Nội | Công ty mẹ |
| Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh | TP. Hồ Chí Minh | Công ty liên kết |
| Công ty cổ phần Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ mới ("TECCO") | TP. Hồ Chí Minh | Cổ đồng |

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền mặt tồn quỹ | 536.322.993 | 656.110.213 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 1.951.801.688 | 1.436.866.117 |
| Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn | 1.000.000.000 | 3.500.000.000 |
| | 3.488.124.681 | 5.592.976.330 |

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 7.994,45 USD tương đương 181.474.242 VND (vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 19.520,60 USD tương đương 438.237.470 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Bên liên quan | 354.137.948 | 314.747.455 |
| Bên thứ ba: | | |
| - TDK-Lambda Malaysia SDN BHD | 403.780.563 | 1.706.560.996 |
| - Tohozinc Co., Ltd. | 2.936.622.387 | 2.123.701.056 |
| - Công ty cổ phần Điện tử Thủ Đức 1 | 650.802.700 | 650.802.700 |
| - Công ty TNHH Kiến Quang | 2.671.677.540 | 731.160.600 |
| - Các khách hàng khác | 1.989.349.330 | 879.796.427 |
| | 9.006.370.468 | 6.406.769.234 |

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, trong số dư phải thu thương mại có gốc ngoại tệ bao gồm 166.289,53 USD tương đương 3.774.772.217 VND.

4.3 Phải thu ngắn hạn khác

| | | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|-------------------------------------|-----|----------------------|----------------------|
| Bên liên quan | (a) | 1.949.158.918 | 1.949.158.918 |
| Bên thứ ba: | | | |
| - Doanh nghiệp tư nhân TM Ngân Long | (b) | 2.570.029.600 | 2.570.029.600 |
| - Công ty TNHH Kiến Quang | (b) | 2.200.000.000 | 2.200.000.000 |
| - Phải thu khác | | 231.560.860 | 290.640.639 |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi chi vượt | | - | 121.435.876 |
| | | 6.950.749.378 | 7.131.265.033 |

(a) Đây là các khoản phải thu từ Công ty TECCO và đã được lập dự phòng toàn bộ, trong đó:

- 1.502.658.918 VND là khoản tiền lãi chậm trả;
- 446.500.000 VND là khoản ứng trước theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 11/HĐNT ngày 9 tháng 12 năm 2008 giữa Công ty và TECCO để thực hiện dự án Cao ốc căn hộ - Thương mại dịch vụ - Văn phòng cho thuê tại số 204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh và hợp đồng hợp tác kinh doanh này đã ngừng triển khai.

(b) Đây là các khoản ứng trước cho nhà cung cấp từ các năm 2013 và 2014 nhưng hợp đồng không được thực hiện.

4.4 Trả trước người bán

| | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|---------------------------|----------------------|----------------------|
| Bên thứ ba: | | |
| - Xin Ying Global Limited | 1.503.518.745 | - |
| - Hong Kong Kangguan | - | 3.408.897.800 |
| | 1.503.518.745 | 3.408.897.800 |

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, trong số dư trả trước người bán có gốc ngoại tệ bao gồm 65.972,74 USD tương đương 1.503.518.745 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.5 Nợ quá hạn và dự phòng phải thu khó đòi

| | 31/12/2016 | | 01/01/2016 | |
|------------------------|----------------------------|----------------------------------|----------------------------|----------------------------------|
| | Số dư nợ quá hạn VND | trong đó, lập dự phòng VND | Số dư nợ quá hạn VND | trong đó, lập dự phòng VND |
| Phải thu khách hàng | 2.146.744.789 | 1.058.411.986 | 1.203.049.323 | 440.617.474 |
| Phải thu khác ngắn hạn | 6.719.188.518 | 6.059.188.518 | 6.719.188.518 | 4.592.179.638 |
| | 8.865.933.307 | 7.117.600.504 | 7.922.237.841 | 5.032.797.112 |

Tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|------------------------------|----------------------|----------------------|
| Số dư đầu năm | 5.032.797.112 | 3.050.173.718 |
| Trích lập dự phòng trong năm | 2.084.803.392 | 1.982.623.394 |
| Số dư cuối năm | 7.117.600.504 | 5.032.797.112 |

4.6 Phải thu về cho vay ngắn hạn

| | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|---------------|-------------------|-------------------|
| Bên liên quan | 50.000.000 | 50.000.000 |

Đây là khoản tiền cho Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh mượn, không lãi suất, không tài sản đảm bảo.

4.7 Hàng tồn kho

| | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Hàng mua đang đi đường | 2.098.187.066 | 372.479.478 |
| Nguyên vật liệu | 1.325.632.392 | 4.467.219.651 |
| Công cụ dụng cụ | 148.381.163 | 216.663.908 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - | 8.921.332 |
| Thành phẩm | - | 1.525.945.873 |
| | 3.572.200.621 | 6.591.230.242 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.8 Chi phí trả trước

| | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|--|--------------------|--------------------|
| <i>Ngắn hạn</i> | | |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng | 28.558.992 | 71.054.841 |
| Phần mềm hải quan điện tử và kế toán | - | 12.102.612 |
| Khác | 3.500.000 | - |
| | 32.058.992 | 83.157.453 |
| <i>Dài hạn</i> | | |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng | 22.084.848 | 91.852.248 |
| Phí duy trì tên miền, web, chữ ký số, phí bản quyền phần mềm | 233.050.807 | 371.096.815 |
| Hệ thống báo cháy | 23.927.082 | 43.068.749 |
| Sửa chữa lớn chi nhánh Hồ Nai | 243.190.749 | - |
| Nâng cấp máy biến thế | 146.222.222 | - |
| | 668.475.708 | 506.017.812 |

Tình hình tăng, giảm chi phí trả trước dài hạn như sau:

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|-------------------|--------------------|--------------------|
| Số dư đầu năm | 506.017.812 | 196.688.025 |
| Tăng trong năm | 419.899.000 | 536.465.920 |
| Phân bổ trong năm | (257.441.104) | (227.136.133) |
| Số dư cuối năm | 668.475.708 | 506.017.812 |

4.9 Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc thiết bị VND | Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND | Thiết bị, dụng cụ quản lý VND | Tài sản cố định khác VND | Cộng VND |
|------------------------------|----------------------------------|----------------------------|--|--|--------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Ngày 01/01/2016 | 16.380.187.624 | 2.403.786.054 | 2.180.606.551 | 1.330.083.636 | - | 22.294.663.865 |
| Tăng trong năm | - | - | - | - | 186.400.000 | 186.400.000 |
| Thanh lý trong năm | - | (982.811.899) | (105.279.000) | (209.893.250) | - | (1.297.984.149) |
| Ngày 31/12/2016 | 16.380.187.624 | 1.420.974.155 | 2.075.327.551 | 1.120.190.386 | 186.400.000 | 21.183.079.716 |
| G. trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Ngày 01/01/2016 | 16.027.228.795 | 2.403.786.054 | 2.030.484.896 | 1.279.669.536 | - | 21.741.169.281 |
| Khấu hao trong năm | 204.607.821 | - | 52.984.000 | 17.570.000 | - | 275.161.821 |
| Giảm do thanh lý | - | (982.811.899) | (105.279.000) | (209.893.250) | - | (1.297.984.149) |
| Ngày 31/12/2016 | 16.231.836.616 | 1.420.974.155 | 1.978.189.896 | 1.087.346.286 | - | 20.718.346.953 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Ngày 01/01/2016 | 352.958.829 | - | 150.121.655 | 50.414.100 | - | 553.494.584 |
| Ngày 31/12/2016 | 148.351.008 | - | 97.137.655 | 32.844.100 | 186.400.000 | 464.732.763 |

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 15.954.308.263 VND (31 tháng 12 năm 2015: 11.360.657.659 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.10 Tài sản cố định vô hình

| | |
|-------------------------------|--|
| | Bản quyền hệ điều hành Microsoft VND |
| Nguyên giá | |
| Ngày 01/01/2016 | 108.436.107 |
| Ngày 31/12/2016 | 108.436.107 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | |
| Ngày 01/01/2016 | 108.436.107 |
| Ngày 31/12/2016 | 108.436.107 |
| Giá trị còn lại | |
| Ngày 01/01/2016 | - |
| Ngày 31/12/2016 | - |

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 108.436.107 VND.

4.11 Bất động sản đầu tư

| | |
|-------------------------------|----------------------|
| | Nhà cửa VND |
| Nguyên giá | |
| Ngày 01/01/2016 | 6.211.957.943 |
| Ngày 31/12/2016 | 6.211.957.943 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | |
| Ngày 01/01/2016 | 6.180.085.795 |
| Tăng trong năm | 23.676.688 |
| Ngày 31/12/2016 | 6.203.762.483 |
| Giá trị còn lại | |
| Ngày 01/01/2016 | 31.872.148 |
| Ngày 31/12/2016 | 8.195.460 |

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá của bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.925.967.943 VND.

4.12 Đầu tư vào công ty liên kết

| | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|--|-------------------|--------------------|
| Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh | 510.000.000 | 510.000.000 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | (510.000.000) | - |
| Giá trị thuần | - | 510.000.000 |

Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302720205 đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 9 năm 2002 cho đến thay đổi lần thứ ba vào ngày 20 tháng 8 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, với hoạt động chính là gia công, sản xuất linh kiện điện tử.

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh chiếm tỷ lệ 30% trên vốn thực góp của công ty này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Công ty đã xem xét và đánh giá tình hình hoạt động của Công ty Bình Minh và lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.13 Phải trả người bán ngắn hạn

| | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Bên thứ ba: | | |
| - TDK Lambda Malaysia SDN BHD | 207.334.213 | 1.671.921.890 |
| - TCL King Electrical Appliances (Trung Quốc) | 607.203.142 | 372.479.478 |
| - Xin Ying Global Limited | 1.490.983.924 | - |
| - Nhà cung cấp khác | 55.920.000 | - |
| | 2.361.441.279 | 2.044.401.368 |

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, trong số dư phải trả người bán ngắn hạn có gốc ngoại tệ là 101.841,24 USD tương đương 2.305.521.279 VND.

4.14 Người mua trả trước ngắn hạn

| | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Công ty TNHH Điện và Điện tử Darling | 1.650.480.000 | 3.423.626.668 |
| Công ty Điện và Điện tử TCL (Việt Nam) | 610.108.811 | - |
| | 2.260.588.811 | 3.423.626.668 |

4.15 Thuế và các khoản nộp/(phải thu) nhà nước

| | Số phải nộp/ (phải thu) đầu năm VND | Số phải nộp trong năm VND | Số đã thực nộp trong năm VND | Số phải nộp/ (phải thu) cuối năm VND |
|---------------------------------|--|---------------------------------|------------------------------------|---|
| Thuế giá trị gia tăng đầu ra | 57.216.565 | 583.370.194 | (327.030.279) | 313.556.480 |
| Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu | - | 5.211.068.360 | (5.211.068.360) | - |
| Thuế nhập khẩu | - | 538.035.085 | (538.035.085) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | (652.355.907) | - | - | (652.355.907) |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 2.118.096 | (2.118.096) | - |
| Tiền thuê đất | - | 4.238.387.665 | (4.277.457.126) | (39.069.461) |
| Tiền thuế đất phi nông nghiệp | - | 33.387.545 | (33.387.545) | - |
| Thuế môn bài | - | 4.000.000 | (4.000.000) | - |
| Cộng | (595.139.342) | 10.610.366.945 | (10.393.096.491) | (377.868.888) |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Phải nộp | 57.216.565 | | | 313.556.480 |
| Phải thu | 652.355.907 | | | 691.425.368 |

4.16 Phải trả khác

| | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|----------------------|--------------------|--------------------|
| <i>Ngắn hạn</i> | | |
| Kinh phí công đoàn | 3.914.873 | - |
| Bảo hiểm thất nghiệp | - | 1.471.784 |
| | 3.914.873 | 1.471.784 |
| <i>Dài hạn</i> | | |
| Nhận ký quỹ, ký cược | 368.095.600 | 166.210.600 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.17 Vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lỗ lũy kế VND | Cộng VND |
|------------------|-----------------------|---------------------------------|-------------------------|-----------------------|
| Năm trước | | | | |
| Số dư 01/01/2015 | 29.000.000.000 | 2.310.399.740 | (4.904.860.398) | 26.405.539.342 |
| Lỗ trong năm | - | - | (5.627.420.239) | (5.627.420.239) |
| Số dư 31/12/2015 | 29.000.000.000 | 2.310.399.740 | (10.532.280.637) | 20.778.119.103 |
| Năm nay | | | | |
| Số dư 01/01/2016 | 29.000.000.000 | 2.310.399.740 | (10.532.280.637) | 20.778.119.103 |
| Lỗ trong năm | - | - | (6.768.424.466) | (6.768.424.466) |
| Số dư 31/12/2016 | 29.000.000.000 | 2.310.399.740 | (17.300.705.103) | 14.009.694.637 |

Cổ phiếu

- Cổ phiếu phổ thông

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|---------------------------------------|---------------|---------------|
| Số lượng cổ phiếu được phép phát hành | 2.900.000 | 2.900.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 2.900.000 | 2.900.000 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 2.900.000 | 2.900.000 |
| Mệnh giá cổ phiếu | 10.000 VND/CP | 10.000 VND/CP |

- Cổ phiếu ưu đãi: không có

4.19 Tài sản nhận giữ hộ

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty còn nhận giữ hộ máy móc thiết bị để gia công cho các khách hàng TDK-Lambda Malaysia SDN.BHD với giá trị ban đầu là 637.534,24 USD; và Tohozinc Co., Ltd. với giá trị ban đầu là 27.228.364 JPY và 17.463,78 USD. Trong đó, nguyên giá máy móc thiết bị đã nhận giữ hộ trên 5 năm (từ năm 2011 trở về trước) là 654.998,02 USD và 25.118.348 JPY.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu thành phẩm - xuất khẩu | 28.729.449.487 | 35.994.943.535 |
| Doanh thu thành phẩm - nội địa | 56.550.270.064 | 43.026.646.866 |
| | 85.279.719.551 | 79.021.590.401 |
| Doanh thu cho thuê bất động sản | 8.006.932.211 | 6.631.113.881 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 2.339.262.709 | 1.866.118.489 |
| Doanh thu bán vật tư | 1.980.868.014 | 255.344.375 |
| Doanh thu bán hàng hóa | 2.025.012.600 | 1.747.146.000 |
| Doanh thu bán phế liệu | 120.482.817 | 28.607.489 |
| | 99.752.277.902 | 89.549.920.635 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

| 5.2 | Giá vốn hàng bán | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|-----|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá vốn thành phẩm | 82.893.565.900 | 75.398.355.927 |
| | Giá vốn cho thuê bất động sản | 1.584.971.040 | 1.527.809.298 |
| | Giá vốn cung cấp dịch vụ | 1.342.867.371 | 1.208.350.451 |
| | Giá vốn vật tư | 1.762.238.777 | 122.634.934 |
| | Giá vốn hàng hóa | 1.991.862.598 | 1.718.493.864 |
| | | 89.575.505.686 | 79.975.644.474 |
| 5.3 | Doanh thu hoạt động tài chính | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
| | Lãi tiền gửi ngân hàng | 84.177.310 | 187.914.024 |
| | Lãi do chênh lệch tỷ giá | 205.661.811 | 520.727.025 |
| | | 289.839.121 | 708.641.049 |
| 5.4 | Chi phí tài chính | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
| | Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 510.000.000 | - |
| | Lỗ do chênh lệch tỷ giá | 69.952.786 | 65.012.710 |
| | | 579.952.786 | 65.012.710 |
| 5.5 | Chi phí bán hàng | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
| | Chi phí vật liệu bao bì | 1.939.340.301 | 1.915.239.567 |
| | Chi phí xuất hàng | 413.435.192 | 424.894.598 |
| | Chi phí quảng cáo | - | 53.556.363 |
| | Hoa hồng môi giới | 21.145.000 | - |
| | | 2.373.920.493 | 2.429.690.528 |
| 5.6 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
| | Chi phí nhân viên quản lý | 5.397.437.117 | 5.152.758.075 |
| | Chi phí đồ dùng văn phòng | 366.716.987 | 388.982.165 |
| | Khấu hao tài sản cố định | 60.584.000 | 60.584.000 |
| | Tiền thuê đất | 2.752.850.610 | 3.087.893.612 |
| | Thuế, phí và lệ phí | 235.355.522 | 207.906.850 |
| | Chi phí sửa chữa tài sản cố định | 209.052.863 | 293.216.364 |
| | Chi phí tiếp khách | 339.908.885 | 457.576.876 |
| | Chi phí điện thoại | 120.366.763 | 166.062.439 |
| | Chi phí trợ cấp thôi việc | 1.786.712.000 | 419.702.500 |
| | Công tác phí | 141.425.946 | 221.321.099 |
| | Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi | 2.084.803.392 | 1.982.623.394 |
| | Các chi phí khác | 963.201.947 | 754.077.868 |
| | | 14.458.416.032 | 13.192.705.242 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

| 5.7 Thu nhập khác | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|--------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Thu do khách hàng hỗ trợ | 166.987.500 | 54.554.305 |
| Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định | 150.000.000 | - |
| Khác | 30.491.565 | 116.420.940 |
| | 347.479.065 | 170.975.245 |

| 5.8 Chi phí khác | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|-------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi đền bù, bồi thường | - | 282.654.478 |
| Phạt vi phạm hành chính | 103.562.428 | - |
| Khác | 66.663.129 | 111.249.736 |
| | 170.225.557 | 393.904.214 |

5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|-------------------------------|-----------------|-----------------|
| Lỗ kế toán trước thuế | (6.768.424.466) | (5.627.420.239) |
| Cộng: chi phí không được trừ | 267.914.069 | 314.938.689 |
| Trừ: thu nhập không chịu thuế | (26.783.947) | (29.143.535) |
| Lỗ tính thuế | (6.527.294.344) | (5.341.625.085) |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | - | - |

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, các khoản lỗ tính thuế được trừ vào thu nhập chịu thuế của những năm sau và thời gian chuyển lỗ không quá 5 năm.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có khoản lỗ tính thuế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai là 16.516.830.678 VND; tuy nhiên, tài sản thuế hoãn lại của khoản lỗ được mang sang này không ghi nhận bởi Công ty chưa dự kiến được lợi nhuận trong tương lai có thể cần trừ với tài sản thuế hoãn lại.

5.10 Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---|-----------------|-----------------|
| Lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) | (6.768.424.466) | (5.627.420.239) |
| Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong năm (cổ phần) | 2.900.000 | 2.900.000 |
| Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP) | (2.334) | (1.940) |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|-----------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên vật liệu | 59.724.711.087 | 49.037.749.223 |
| Chi phí nhân công | 24.098.335.149 | 27.083.813.569 |
| Chi mua hàng hóa | 1.991.862.598 | 1.718.493.864 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 298.838.509 | 907.247.700 |
| Chi phí dự phòng phải thu khó đòi | 2.084.803.392 | 1.982.623.394 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 7.390.510.656 | 10.572.930.460 |
| Các chi phí khác | 9.283.413.970 | 5.808.946.400 |
| | 104.872.475.361 | 97.111.804.610 |

6. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý tại thuyết minh mục số 5.1-Doanh thu và 5.2-Giá vốn hàng bán.

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý.

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính :

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và tương đương tiền | 3.488.124.681 | 5.592.976.330 | 3.488.124.681 | 5.592.976.330 |
| Phải thu khách hàng | 7.947.958.482 | 5.966.151.760 | 7.947.958.482 | 5.966.151.760 |
| Các khoản phải thu khác | 660.000.000 | 2.177.008.880 | 660.000.000 | 2.177.008.880 |
| | 12.096.083.163 | 13.736.136.970 | 12.096.083.163 | 13.736.136.970 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Phải trả người bán | 2.361.441.279 | 2.044.401.368 | 2.361.441.279 | 2.044.401.368 |
| Các khoản phải trả khác | 368.095.600 | 179.163.943 | 368.095.600 | 179.163.943 |
| | 2.729.536.879 | 2.223.565.311 | 2.729.536.879 | 2.223.565.311 |

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016. Tuy nhiên Ban Giám đốc ước tính giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty có thể gặp phải các rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường: Hoạt động của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá và rủi ro về biến động giá.

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái có liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty không chịu ảnh hưởng đáng kể về rủi ro tỷ giá.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các khoản tài sản/ (nợ phải trả) tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau :

| | USD |
|--------------------------|-------------------------|
| Tiền và tương đương tiền | 7.994,45 |
| Phải thu khách hàng | 166.289,53 |
| Phải trả người bán | (101.841,24) |
| Tài sản thuần | <u>72.442,74</u> |

Công ty chịu rủi ro về giá do thực hiện mua nguyên liệu cho sản xuất gia công. Công ty quản lý rủi ro về giá thông qua việc theo dõi thông tin thị trường nhằm quản lý thời gian mua hàng phù hợp tiến độ sản xuất, gia công và mức độ hàng tồn kho.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng giao dịch không thực hiện được các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng), tuy nhiên:

Về phải thu khách hàng: Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được, nhưng số dư khoản phải thu còn tập trung vào số ít khách hàng (khoảng 4 khách hàng như nêu tại thuyết minh 4.2).

Tiền gửi ngân hàng: Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý tính thanh khoản thông qua việc duy trì lượng tiền mặt và tương đương tiền ở mức mà Ban giám đốc cho là đủ đáp ứng cho nhu cầu hoạt động của Công ty và giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với các bên có liên quan

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh với các bên có liên quan như sau:

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|---|---------------------------------------|---------------------------|------------------|
| Công ty CP Thương mại Dịch vụ Bình Minh | Doanh thu dịch vụ Chi phí gia công | 37.481.538 883.945.875 | 125.412.276 - |

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu với các bên có liên quan như sau:

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | 31/12/2016 VND | 31/12/2015 VND |
|---|--|---------------------------|---------------------------|
| Công ty CP Thương mại Dịch vụ Bình Minh | Phải thu thương mại Phải thu khác (thuyết minh 4.6) | 354.137.948 50.000.000 | 314.747.455 50.000.000 |
| Công ty CP Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ mới (TECCO) | Phải thu khác (thuyết minh 4.3) | 1.949.158.918 | 1.949.158.918 |

Thù lao cho Ban Giám đốc trong năm như sau:

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Lương, thưởng và phụ cấp | 428.376.000 | 609.158.010 |

8.2 Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 204 Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho và nhà xưởng sản xuất và thuê đất tại Khu công nghiệp Hồ Nai, xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai để làm nhà máy sản xuất. Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả hàng năm trong tương lai cho hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau :

| | Trong vòng 1 năm VND | Từ 2 năm đến 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Cộng VND |
|---|----------------------------|------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Số 204 Nơ Trang Long, Bình Thạnh, Tp.HCM | 4.277.457.130 | 12.832.371.390 | - | 17.109.828.520 |
| Khu công nghiệp Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai | 251.981.054 | 1.007.924.214 | 6.908.480.550 | 8.168.385.818 |
| | 4.529.438.184 | 13.840.295.604 | 6.908.480.550 | 25.278.214.338 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

8.3 Thông tin so sánh

Một vài số liệu so sánh được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày Báo cáo tài chính của năm hiện hành, chi tiết như sau :

| Bảng cân đối kế toán | Mã số | Số liệu trên Báo cáo năm trước (31/12/2015) VND | Điều chỉnh phân loại lại tăng/(giảm) VND | Số liệu trình bày lại (01/01/2016) VND |
|-----------------------------------|-------|--|---|---|
| Phải thu dài hạn khác | 216 | 50.000.000 | (50.000.000) | - |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | - | 50.000.000 | 50.000.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 1.793.299.557 | 5.337.965.476 | 7.131.265.033 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | 446.500.000 | (446.500.000) | - |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | (446.500.000) | 446.500.000 | - |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn | 137 | - | (446.500.000) | (446.500.000) |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 8.178.927.400 | (4.770.029.600) | 3.408.897.800 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | (121.435.876) | 121.435.876 | - |
| | | Số liệu trên Báo cáo năm trước (năm 2015) | Điều chỉnh phân loại lại tăng/(giảm) | Số liệu trình bày lại (năm 2015) |
| Chi phí tài chính | 22 | 511.512.710 | (446.500.000) | 65.012.710 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 12.746.205.242 | 446.500.000 | 13.192.705.242 |

8.4 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.




HOÀNG THỊ ANH LÊ
 Người lập biểu



LÊ THỊ NGỌC THỦY
 Kế toán trưởng




 HÀ HỮU QUANG
 Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2017

BDO Audit Services Company Limited

Hanoi Head Office
20th Floor, Icon 4 Building
243A De La Thanh Street
Dong Da District, Hanoi
Vietnam
Tel : +84 4 37833911
Fax : +84 4 37833914
Email: bdo@bdo.vn

www.bdo.vn

Ho Chi Minh City Office
1st Floor, Indochina Park Tower
4 Nguyen Dinh Chieu Street
Dictrict 1, Ho Chi Minh City
Vietnam
Tel : +84 8 39110033
Fax : +84 8 39117439
Email: bdo@bdo.vn

www.bdo.vn

BDO Audit Services Company Limited, a limited liability company incorporated in Vietnam, is a member of BDO International Limited, a UK company limited by guarantee, and forms part of the international BDO network of independent member firms.